

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẢN HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - chế biến
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất, chế biến thủy sản.
4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
Số lượng hàng thủy sản chế biến và bán ra trong kỳ nhiều hơn so với các kỳ trước do:
 - Công ty Cổ Phần Nam Việt (gọi tắt là Công ty) có ký hợp đồng bán thành phẩm bao bì cho Công ty TNHH Đại Tây Dương.
 - Công ty có ký hợp đồng để Công ty TNHH Ân Độ Dương thực hiện bán thành phẩm cho Công ty.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. Hình thức kế toán áp dụng
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. Tiền và tương đương tiền
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25
Máy móc và thiết bị	5-8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4-7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5-7
Tài sản cố định khác	3-6

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài được công bố tại thuyết minh số IV.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi trả để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chi phí đền bù được khấu hao từ 6-7 năm, quyền sử dụng đất nhà máy đông lạnh (tiền sử dụng đất) không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định của Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 70/CN.UB ngày 11 tháng 5 năm 2000, Công ty Cổ Phần Nam Việt có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hoạt động sản xuất, chế biến thủy sản là 20% trên thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo. Cục thuế Tỉnh An Giang đã chấp nhận cho Công ty Cổ Phần Nam Việt được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2002.

Trong các lần mở rộng sản xuất từ năm 2001 đến năm 2004, Công ty Cổ Phần Nam Việt đều được Ủy ban nhân dân Tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất. Ngày 14 tháng 8 năm 2006, Công ty Cổ Phần Nam Việt có Công văn gửi cho Cục thuế Tỉnh An Giang kiến nghị để được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Ngày 28 tháng 11 năm 2006 trả lời chấp nhận Công ty Cổ Phần Nam Việt được áp dụng thuế suất thuế TNDN 20% cho các ưu đãi đầu tư cho các phần mở rộng sản xuất.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nam Việt hợp nhất với báo cáo tài chính của 2 Công ty con là:

	% sở hữu trong giấy phép của công ty con
Công ty TNHH Ấn Độ Dương	100%
Công ty TNHH Cromit Nam Việt	51%

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Tiền mặt	509.923.524	2.061.896.677
Tiền gửi ngân hàng	67.369.941.287	57.088.866.218
Các khoản tương đương tiền		37.739.871.000
Cộng	<u>67.879.864.811</u>	<u>96.890.633.895</u>

2. Các khoản phải thu

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Phải thu trong nước	158.072.146.710	210.664.415.672
Phải thu nước ngoài	199.388.878.981	258.930.555.420
Phải thu nội bộ (*)	318.586.707.228	400.939.769.538
Cho vay nội bộ	0	70.384.707.800
Trả trước người bán	31.467.743.643	12.884.435.064
Các khoản phải thu khác	36.188.148.377	20.943.611.558
Dự phòng phải thu khó đòi	(523.458.071)	(10.905.880.626)
Cộng	<u>743.180.166.868</u>	<u>963.841.614.426</u>

(*) Các khoản phải thu nội bộ:

1- Phải thu bán các thành phẩm	86.819.952.817
2- Phải thu bán vật tư, nguyên liệu	93.934.639.865
3- Phải thu từ các khoản trả hộ	82.093.488.384
4- Phải thu phí XK uỷ thác	42.639.212.800
5- Phải thu vật tư cho mượn	11.512.195.051
6- Phải thu khác	<u>1.587.218.311</u>
	318.586.707.228

3. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Nguyên vật liệu	14.931.613.598	17.995.921.151
Công cụ dụng cụ	3.030.584.181	5.929.167.348
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	29.651.636	74.578.703
Thành phẩm	461.738.434.855	677.642.837.791
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(62.819.221.821)	(62.819.221.821)
Cộng	<u>416.911.062.449</u>	<u>638.823.283.172</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Tạm ứng mua hàng	22.194.427.689	23.542.967.489
Ký quỹ	83.187.300	83.187.300
Cộng	<u>22.277.614.989</u>	<u>23.626.154.789</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày					
31/12/2008	197.491.381.123	404.448.676.488	18.650.426.887	9.169.125.064	629.759.609.562
Tăng trong kỳ	2.570.103.523	5.238.421.006	3.850.552.006	350.072.363	12.009.148.898
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(392.857.143)	(1.208.293.506)		(1.601.150.649)
Giảm khác					
Tại ngày					
30/06/2009	<u>200.061.484.646</u>	<u>409.294.240.351</u>	<u>21.292.685.387</u>	<u>9.519.197.427</u>	<u>640.167.607.811</u>
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày					
31/12/2008	50.119.208.109	80.814.626.043	7.553.439.496	3.250.305.185	141.737.578.833
Tăng trong kỳ	14.181.489.846	12.396.671.521	2.402.159.295	1.094.345.208	30.074.665.870
Tăng khác					
Giảm trong kỳ		(196.402.170)	(636.979.154)		(833.381.324)
Giảm khác					
Tại ngày					
30/06/2009	<u>64.300.697.955</u>	<u>93.014.895.394</u>	<u>9.318.619.637</u>	<u>4.344.650.393</u>	<u>170.978.863.379</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	147.372.173.014	323.633.632.263	11.096.987.391	5.919.238.061	488.022.030.729
Số dư cuối năm	135.760.786.691	316.279.344.957	11.974.065.750	5.174.547.034	469.188.744.432

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Tổng cộng
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 31/12/2008	16.183.967.822	148.538.500	16.332.506.322
Tăng trong kỳ	1.680.358.982		1.680.358.982
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/06/2009	<u>17.864.326.804</u>	<u>148.538.500</u>	<u>18.012.865.304</u>
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 31/12/2008		122.634.540	122.634.540
Tăng trong kỳ		9.713.985	9.713.985
Tăng khác			
Giảm trong kỳ			
Giảm khác			
Tại ngày 30/06/2009		<u>132.348.525</u>	<u>132.348.525</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.183.967.822	25.903.960	16.209.871.782
Số dư cuối năm	17.864.326.804	16.189.975	17.880.516.779

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 31/12/2008	<u>99.904.083.341</u>
Tăng trong kỳ	25.900.944.217
Chuyển sang tài sản cố định	8.958.515.649
Tại ngày 30/06/2009	<u>116.846.511.909</u>

8. Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Đầu tư vào Cty liên kết (1*)	8.700.000.000	0
Đầu tư chứng khoán (2*)	155.200.000.000	155.200.000.000
Đầu tư trái phiếu (3*)	10.000.000	10.000.000
Đầu tư dài hạn khác (4*)	110.980.500.000	143.980.500.000
DP giảm giá ĐTTTC dài hạn	(11.239.280.000)	(11.239.280.000)
Cộng	<u>263.651.220.000</u>	<u>287.951.220.000</u>

(*)Chi tiết tên các đơn vị được đầu tư:

	Vốn Đầu Tư	Số lượng	Mệnh giá
(1*) 1-Cty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	8.700.000.000	870.000	10.000
(2*) 1- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Long	20.200.000.000	2.000.000	10.000
2- Ngân Hàng TM CP Nông Thôn Mỹ Xuyên	135.000.000.000	54.000	1.000.000
(3*) Kho Bạc Nhà Nước Tỉnh An Giang	10.000.000	-	-
(4*) 1- Góp vốn thành lập Cty CP Bảo Hiểm Hàng Không	43.200.000.000	-	-
2- Góp vốn Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt	20.000.000.000	-	-
3- Góp Vốn Cty TNHH XD-SX-TM Tài Nguyên	32.780.500.000	-	-
4- Góp vốn Cty Tài chính CP Hoá chất Việt Nam	10.000.000.000	-	-
5- Góp vốn Cty CP Quản Lý Quỹ Hùng Việt	5.000.000.000	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**9. Tài sản dài hạn khác**

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Chi phí trả trước dài hạn	128.885.618	181.783.695
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	4.278.433.421	4.278.433.421
Ký quỹ để đảm bảo tiền vay của Quỹ đầu tư phát triển	19.200.000.000	23.400.000.000
Cộng	<u>23.607.319.039</u>	<u>27.860.217.116</u>

10. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Ngân hàng đầu tư và phát triển	35.800.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng ANZ HCM	-	304.028.492.000
Ngân hàng Vietcombank An Giang	34.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng Phát triển CN An Giang (Quỹ Hỗ Trợ)	130.500.000.000	86.400.000.000
Ngân hàng XNK Việt Nam-Eximbank	145.000.000.000	123.000.000.000
Công ty Cổ phần Biển Đông	4.800.000.000	4.800.000.000
Cá nhân	6.070.231.000	10.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	16.765.433.300	33.510.331.800
Cộng	<u>372.935.664.300</u>	<u>761.738.823.800</u>

11. Phải trả người bán

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Phải trả trong nước	149.512.655.208	152.548.963.033
Phải trả nước ngoài	2.704.594.118	185.453.498
Cộng	<u>152.217.249.326</u>	<u>152.734.416.531</u>

12. Người mua trả tiền trước

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Khách hàng trong nước	13.909.217.994	3.910.000.559
Khách hàng nước ngoài	13.899.098.956	10.688.628.544
Cộng	<u>27.808.316.950</u>	<u>14.598.629.103</u>

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Thuế GTGT	6.704.134.051	4.737.976.995
Thuế xuất nhập khẩu	1.504.165.730	1.891.598.320
Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.606.553.782
Thuế thu nhập cá nhân	(18.606.224)	4.725.081
Cộng	<u>8.189.693.557</u>	<u>12.240.854.178</u>

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Doanh thu bán mỡ cá	10%
Doanh thu bán cá thành phẩm, phụ phẩm nội địa	5%
Doanh thu xuất khẩu	0%

14. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả nhân viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính**15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Hàng chờ hoá đơn	2.143.877.437	1.133.645.201
Bảo hiểm xã hội phải nộp	1.163.676.237	449.424.148
Cổ tức phải trả	2.986.358.400	15.130.407.200
Phải trả phải nộp khác	23.975.481.063	6.427.147.813
Cộng	<u>30.269.393.137</u>	<u>23.140.624.362</u>

16. Vay và nợ dài hạn

	<u>30/06/2009</u>	<u>31/12/2008</u>
Quỹ hỗ trợ phát triển An Giang (a)	7.337.132.664	7.337.132.664
Ngân hàng An Bình Cần Thơ (b)	63.385.327.200	63.385.327.200
Cộng	<u>70.722.459.864</u>	<u>70.722.459.864</u>

a, Khoản vay Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển An Giang theo Hợp đồng vay số 08/HTPT. TDĐP 2004 ngày 22 tháng 4 năm 2004, chi tiết:

- + Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Thái Bình Dương
- + Số tiền vay : 78.000.000.000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm
- + Thời hạn rút vốn : Năm 2004 và 2005

b, Khoản vay An Bình Cần Thơ theo Hợp đồng vay số 0479/2007/HĐTD(14/09/2007)

Mục đích vay : Đầu tư dự án Nhà máy chế biến Ấn Độ Dương

- + Số tiền vay : 270.000.000.000 VNĐ
- + Thời hạn vay : 6 năm

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 31/12/2008	660.000.000.000	611.965.459.100	27.417.629.848	340.915.123.337	16.013.604.902
Tăng trong kỳ				72.420.183.436	12.750.000
Giảm trong kỳ				152.681.911.791	1.836.671.493
Số dư tại ngày 30/06/2009	<u>660.000.000.000</u>	<u>611.965.459.100</u>	<u>27.417.629.848</u>	<u>260.653.394.982</u>	<u>14.189.683.409</u>

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ

Tổng số cổ phần : 66.000.000 CP

Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng trong kỳ là do tạm trích theo quyết định của **Hội đồng quản trị**: 10.000.000.000đ

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Doanh thu thuần bán thành phẩm	388.774.706.231	597.974.514.296
Doanh thu thuần bán hàng hoá, dịch vụ	166.493.951.756	52.632.611.049
Cộng	<u>555.268.657.987</u>	<u>650.607.125.345</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	446.637.218.587	467.617.523.427
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	103.163.963.341	51.872.916.799
Cộng	<u>549.801.181.928</u>	<u>519.490.440.226</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.599.731.034	20.285.352.830
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.905.326.612	216.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.512.526.342	51.695.306.481
Cộng	<u>25.017.583.988</u>	<u>72.196.659.311</u>

4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Lãi vay	8.059.123.233	15.935.774.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá	320.215.818	41.735.920.507
Cộng	<u>8.379.339.051</u>	<u>57.671.695.219</u>

5. Chi phí bán hàng

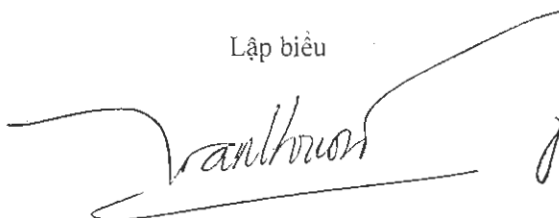
	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Cước tàu, vận chuyển	24.270.091.512	42.555.470.260
Chi phí khác	8.380.495.025	7.950.519.356
Cộng	<u>32.650.586.537</u>	<u>50.505.989.616</u>

6. Chi phí QLDN

	Quý II năm 2009	Quý II năm 2008
Khấu hao	1.402.298.755	1.182.679.942
Chi phí quản lý khác	6.727.492.729	7.691.474.605
Cộng	<u>8.129.791.484</u>	<u>8.874.154.547</u>

Lập biểu

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 30 tháng 06 năm 2009
Giám đốc tài chính


Trần Thùy Vương



Doãn Văn Nho




Nguyễn Duy Nhứt